

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2025/HC-PT

Ngày: 10/9/2025

*V/v: Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý thuế*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Trường**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp tối tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 78/2025/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2025/HC-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477a/2025/QĐXXPT-HC ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông **Tăng Sóc B**, sinh năm 1974; địa chỉ: **2 đường A, phường E, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đặng Đình T1**, sinh năm 1984; địa chỉ: **1 H, phường T, thành phố B, Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk)**. Có mặt.

- Người bị kiện: Cục Trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ** (nay là Trưởng **Thuế tỉnh Đ**); địa chỉ: **Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk)**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Bá V**, Phó trưởng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thuế cơ sở 1, tỉnh Đắk Lắk);

2. Chi cục Trưởng Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Trưởng Thuế cơ sở 1, tỉnh Đắk Lắk);

Địa chỉ: I N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức H, Trưởng Thuế cơ sở 1. Có mặt.

3. Những người thừa kế của ông Tăng P, bà Hán Liên H1:

3.1 Ông Tăng Cóc K, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.2 Ông Tăng Cóc X, sinh năm 1961; địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.3 Bà Tăng Sui M, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.4 Bà Tăng Suru L, sinh năm 1963; địa chỉ: B N, địa chỉ: Tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.5 Bà Tăng Sui L1, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.6 Bà Tăng Sui D, sinh năm 1970; địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.7 Bà Tăng Sui V1, sinh năm 1972; địa chỉ: C N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.8 Bà Tăng Sui I, sinh năm 1976; Địa chỉ: D N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

Do có kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng Sóc B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình ông Tăng Sóc B là người sử dụng hợp pháp các thửa đất số: 112, 121, 113 tờ bản đồ số 40 với diện tích 1.885,1 m² đất trồng cà phê và đất ở đô thị tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã bị Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án “Hồ chứa nước E” thành phố B.

Gia đình anh em ông được nhận 03 lô đất tái định cư. Khi nhận đất tái định cư, những lô đầu anh em ông đã đóng đầy đủ tiền sử dụng đất. Sau tìm hiểu ông mới biết quyền lợi của mình bị mất đi nên khi nhận được thông báo đóng tiền sử dụng đất của lô tái định cư sau này ông không đồng ý và làm đơn khiếu nại về việc miễn giảm tiền sử dụng đất gửi tới Chi cục Thuế thành phố B.

Sau đó ông nhận được Thông báo số 4065/CCT-KTNB ngày 05 tháng 10 năm 2023 đề nghị gia đình nộp đủ số tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đất theo thông báo của cơ quan Thuế.

Gia đình ông nộp hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đã cung cấp cho cơ quan Thuế tất cả những gì liên quan đến việc miễn giảm. Gia đình ông đề nghị miễn sử dụng đất, Cơ quan Thuế đã xét giảm tiền sử dụng đất cho gia đình ông, gia đình ông không đồng ý nên khiếu nại.

Ngày 18 tháng 03 năm 2024, **Chi cục T** ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2148/QĐ-CCT đối với khiếu nại quyết định hành chính của ông.

Không đồng ý với nội dung trong quyết định giải quyết khiếu nại, ông khiếu nại lần 2 đề nghị **Cục Thuế tỉnh Đ** tiếp tục giải quyết khiếu nại của ông.

Cục trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ** đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2127/QĐ-CT ngày 31 tháng 5 năm 2024. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Cục trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ**, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 2127/QĐ-CT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ**.

Vì vậy, ông **Tăng Sóc B** đề nghị tuyên hủy Quyết định hành chính số 2127/QĐ-CT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ**. Đồng thời kiến nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2148/QĐ-CCT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục trưởng **Chi cục Thuế thành phố B**. Yêu cầu cơ quan Thuế thực hiện miễn tiền sử dụng đất cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

- Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đ trình bày:

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 230207-0120 ngày 19/6/2023 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố B** chuyển đến. **Chi cục Thuế thành phố B** đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4308/TB-TB,TK ngày 10/7/2023 gửi ông **Tăng Sóc B1** (là người đại diện cho những người thừa kế của hộ ông **Tăng P**) theo đó xác định tiền sử dụng đất phải nộp và thực hiện giảm 50% tiền sử dụng đất.

Ngày 07/7/2023, ông **Tăng Sóc B** có đơn xin miễn tiền sử dụng đất xác định đối tượng miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị Định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Đơn kiến nghị hướng dẫn giải quyết hồ sơ thuế gửi **Cục Thuế tỉnh Đ**. Ngày 11/7/2024, **Cục Thuế tỉnh Đ** đã chuyển đơn kiến nghị, phản ánh gửi **Chi cục Thuế thành phố B** để xử lý theo quy định.

Ngày 15/8/2023, **Chi cục Thuế thành phố B** nhận được đơn khiếu nại của ông **Tăng Sóc B** (Người đại diện những người con của hộ ông **Tăng P** và bà **Hán Liên H1**).

Ngày 18/3/2024, Chi cục trưởng **Chi cục Thuế thành phố B** ban hành Quyết định số 2148/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông **Tăng Sóc B**. Không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 14/8/2023 của ông **Tăng Sóc B**.

Ngày 12/4/2024, **Cục Thuế tỉnh Đ** nhận được Đơn khiếu nại (lần hai) của ông **Tăng Sóc B1** với nội dung không đồng ý với nội dung trong quyết định.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, Cục trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ** đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2127/QĐ-CT với nội dung:

+ Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 2148/QĐ-CCT ngày 18/3/2024 của Chi cục trưởng **Chi cục Thuế thành phố B** về việc giải quyết khiếu nại của ông **Tăng Sóc B** (lần đầu).

+ Yêu cầu ông **Tăng Sóc B** (đại diện cho những người thừa kế của hộ ông **Tăng P1**) thực hiện Thông báo số 5143/TB-TB, TK ngày 02/8/2023 của **Chi cục Thuế thành phố B** về việc người nộp thuế không thuộc diện được miễn tiền sử dụng đất.

Việc giải quyết khiếu nại của Cục trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ** là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Tăng Sóc B**.

- Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Chi cục Thuế thành phố B trình bày:

Căn cứ các quy định của pháp luật, việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2148/QĐ-CCT ngày 18/3/2024 của **Chi cục Thuế thành phố B** là đúng quy định của pháp luật về nội dung, trình tự, thủ tục cũng như thời gian giải quyết khiếu nại. **Chi cục Thuế thành phố B** có ý kiến như trên để Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk được biết.

- Những người thừa kế của ông Tăng P, bà Hán Liên H1 gồm: ông **Tăng Cóc K**, ông **Tăng Cóc X**, bà **Tăng Xúi M1**, bà **Tăng Xúi L2**, bà **Tăng Xúi L3**, bà **Tăng Xúi D1**, bà **Tăng Xiu V2**, bà **Tăng Xiu I1** trình bày: các ông, bà đã ủy quyền cho ông **Tăng Sóc B** liên hệ kê khai, nộp thuế, khiếu nại... nên thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông **Tăng Sóc B**, không có yêu cầu độc lập. Các ông bà đều từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2025/HC-ST ngày 18/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

“- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

- Căn cứ các Điều 19, 20, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40, 41, 42 Luật Khiếu nại; Các Điều 51, 52, 53 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

- Căn cứ Điều 10, Điều 11 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 13 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của **Bộ T3** hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

*Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Tăng Sóc B** về việc:*

- *Hủy Quyết định số 2127/QĐ-CT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng **Cục Thuế tỉnh Đ** về việc giải quyết khiếu nại của ông **Tăng Sóc B** (lần 2)*

- *Hủy Quyết định số 2148/QĐ-CCT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục trưởng **Chi cục Thuế thành phố B** về việc giải quyết khiếu nại của ông **Tăng Sóc B** (lần đầu).*

- *Buộc cơ quan Thuế thực hiện miễn tiền sử dụng đất cho gia đình ông **Tăng Sóc B** theo quy định của pháp luật.”*

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2025, ông **Tăng Sóc B** có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông **Đặng Đình T1** đại diện theo ủy quyền của **Tăng Sóc B** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Tăng Sóc B** là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Tăng Sóc B**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa được mở lần 2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 2127/QĐ-CT ngày 31/5/2024 của Cục trưởng **Cục thuế tỉnh Đ**; Quyết định số 2148/QĐ-CCT ngày 18/3/2024 của Chi cục trưởng **Chi cục Thuế thành phố B** là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **Đặng Đình T1** cho rằng ông **Tăng Sóc B** thuộc trường hợp được miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất:

“Điều 11. Miễn tiền sử dụng đất.

Miễn tiền sử dụng đất trong những trường hợp sau đây:

1. Miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với người có công với cách mạng thuộc đối tượng được miễn tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công; hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; sử dụng đất để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở; nhà ở cho người phải di dời do thiên tai.

Việc xác định hộ nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; việc xác định hộ gia đình hoặc cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Chính phủ.

2. Miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với đất do chuyển mục đích sử dụng từ đất không phải là đất ở sang đất ở do tách hộ đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi theo Danh mục các xã đặc biệt khó khăn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở cho các hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đầm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Miễn tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở để bố trí tái định cư hoặc giao cho các hộ gia đình, cá nhân trong các cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*5. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn tiền sử dụng đất đối với các trường hợp khác do Bộ trưởng **Bộ T3** trình trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

*6. **Bộ T3** hướng dẫn cụ thể Điều này”.*

Như vậy, việc thực hiện cụ thể Điều 11 Nghị định số 45/2014 là do **Bộ T3** hướng dẫn.

Tại Điều 13 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của **Bộ T3** hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất

“Điều 13. Miễn tiền sử dụng đất.

Việc miễn tiền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP; một số nội dung tại Điều này được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất cho người có công với Cách mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật về người có công. Việc miễn tiền sử dụng đất đối với người có công với Cách mạng chỉ được thực hiện khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cho phép miễn tiền sử dụng đất theo pháp luật về người có công.

2. Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được miễn tiền sử dụng đất phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; vùng biên giới, hải đảo theo quy định của pháp luật về Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới hải đảo.

3. Người được giao đất ở mới theo dự án di dời do thiên tai được miễn nộp tiền sử dụng đất khi không được bồi thường về đất tại nơi phải di dời (nơi đi)”.

Tại Văn bản số 1663/TCT-CS ngày 22/4/2024, T3 trả lời Cục thuế tỉnh Đ như sau:

“trả lời Công văn số 397/CTĐLA-HKDC ngày 31/01/2024 của Cục thuế tỉnh Đ về miễn tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao trong hạn mức đất ở để bố trí tái định cư, Tổng cục T2 có ý kiến như sau:

Pháp luật về thu tiền sử dụng đất hiện hành (Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T3 và các văn bản sửa đổi, bổ sung) không có quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất tái định cư đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai” (b1 443).

Đối chiếu quy định trên, ông Tăng Sóc B không đủ điều kiện được miễn tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở để bố trí tái định cư.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Sóc B là đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Đình T1 không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tăng Sóc B.

[5] Về án phí: ông Tăng Sóc B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Bác kháng cáo của ông **Tăng Sóc B**. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2025/HC-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông **Tăng Sóc B** phải chịu 300.000 án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông **Tăng Sóc B** đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0000260 ngày 07/7/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hoà